

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2023

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: Gói thầu số 01: Tư vấn Lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu dự án thi công xây dựng công trình.

Thuộc dự án: Đầu tư, Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các dự án khắc phục đảm bảo an toàn Phòng cháy, chữa cháy tại các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng và Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 09/07/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 18/05/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Phê duyệt Danh mục cơ sở, hạ tầng cần thực hiện các giải pháp khắc phục để đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy; các cơ sở phải di dời; Công văn số 3535/CAT-PC07 ngày 09/08/2022 của Công an tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 29/09/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc chủ trương đầu tư dự án Đầu tư, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các dự án khắc phục đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy tại các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai kinh phí từ nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách cấp tỉnh so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022 (đợt 5);

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-SXD ngày 16/10/2023 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đầu tư, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các dự án khắc phục đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy tại các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-SXD ngày 31/10/2023 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Đầu tư, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các dự án khắc phục đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy tại các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ quyết định/QĐ-SGDĐT, ngày tháng năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu tư vấn lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu Gói thầu số 03: Đầu tư, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các dự án khắc phục đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy tại các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: **Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi.**

Địa chỉ: số 58 đường Hùng Vương – Thành phố Quảng Ngãi.

Điện thoại: 02553824162

Tài khoản: **9552.8053942** mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi

Mã số thuế: 4300.425829

Đại diện là ông: **Nguyễn Ngọc Thái**

Chức vụ: Giám đốc

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: **Trung tâm Quy hoạch và kiểm định chất lượng công trình xây dựng**

Địa chỉ:, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại:

Số hiệu tài khoản: tại NH

Mã số thuế:

Đại diện là ông:

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: **17.000.000 đồng**, Bằng chữ: Mười bảy triệu đồng.

2. Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

- Thời hạn thanh toán: Bên giao thầu sẽ thanh toán cho nhà thầu trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của nhà thầu và không thanh toán quá tổng vốn được giao trong năm.

- Số lần thanh toán: 1 lần

- Giai đoạn thanh toán:

Lần 1: Trong Quý IV/2023 thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu.

-Thời điểm thanh toán: từ ngày đến ngày trong tháng của từng lần thanh toán.

Nhà thầu có trách nhiệm mời bên giao thầu và các cơ quan liên quan nghiệm thu khối lượng công việc mà nhà thầu đã thực hiện, kể cả khối lượng phát sinh (nếu có).

Bên giao thầu chỉ thanh toán cho bên nhận thầu khi bên nhận thầu cung cấp đủ hồ sơ hợp pháp và thanh toán theo tiến độ vốn ngân sách nhà nước cấp hàng năm trên cơ sở khối lượng các công việc hoàn thành; kể cả khối lượng công việc phát sinh (*nếu có*) sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hồ sơ thanh toán do nhà thầu lập phù hợp với các biểu mẫu quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo Thông tư số 07/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 10 ngày sau khi hợp đồng đã được ký kết.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh của ngân hàng thành lập theo pháp luật Việt Nam.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: không.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị và có hiệu lực tới khi Nhà thầu đã thi công hoàn thành công trình tương ứng với Hợp đồng đã ký kết được Chủ đầu tư nghiệm thu, bàn giao và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: **07 ngày** sau khi bên B đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tư vấn giám sát

Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

Trường hợp chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu

Điều 12. Vật tư, máy móc, thiết bị

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

Điều 13. Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót

Nhà thầu bảo đảm thực hiện chế độ bảo hành đối với công trình như đã nêu trong HSDX.

Kể từ ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc thời hạn bảo hành công trình, chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu về các sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các sai sót được sửa chữa xong.

Mỗi lần có thông báo về sai sót trong công trình, nhà thầu phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà chủ đầu tư đã thông báo.

Nếu nhà thầu không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định tại thông báo sai sót trong công trình thì chủ đầu tư được thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

Điều 14. Nghiệm thu, hoàn công

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu ký xác nhận.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: gửi vấn đề lên Tòa án Nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc các bên..

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ký.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 08 bộ, Chủ đầu tư giữ 05 bộ, nhà thầu giữ 03 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ**